

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP
THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ MỎ
VÀ CÔNG NGHIỆP-VINACOMIN

Số: 324/TCKT-VIMCC

V/v: Công bố thông tin

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 27 tháng 4 năm 2020

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

**Kính gửi : - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội**

1. Tên Công ty: Công ty cổ phần Tư vấn đầu tư mỏ và công nghiệp – Vinacomin
2. Mã chứng khoán: TVM
3. Địa chỉ trụ sở chính: Số 565 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội
4. Điện thoại: (04) 38544252 Fax: (04) 38543164
5. Người thực hiện công bố thông tin: Ông Phùng Đức Trường – Kế toán trưởng
6. Nội dung thông tin công bố: Báo cáo thường niên năm 2019
7. Nội dung chi tiết được đăng tải trên Website của Công ty tại địa chỉ:
<http://vimcc.vn/>
8. Công ty xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Trân trọng!

NGƯỜI THỰC HIỆN CBTT
KẾ TOÁN TRƯỞNG



M.S.D.N.: 09023709
CÔNG TY
CỔ PHẦN
TƯ VẤN ĐẦU TƯ MỎ
VÀ CÔNG NGHIỆP
VINACOMIN
Q. THANH XUÂN - TP. HÀ NỘI

Phùng Đức Trường



**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ MỎ VÀ CÔNG NGHIỆP - VINACOMIN**

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2019

HÀ NỘI, THÁNG 4 NĂM 2020

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Năm 2019

Công ty cổ phần Tư vấn đầu tư mỏ và công nghiệp - Vinacomin

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty cổ phần Tư vấn đầu tư mỏ và công nghiệp - Vinacomin
- Tên tiếng anh: VINACOMIN INDUSTRY INVESTMENT CONSULTING JOINT STOCK COMPANY (VIMCC)
- Tên viết tắt: VIMCC.,JSC



- Biểu tượng:

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0500237543
- Vốn điều lệ: 24.000.000.000 VNĐ
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 24.000.000.000 VNĐ
- Địa chỉ: Số 565 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
- Số điện thoại: 02438 544 252
- Số fax: 02438 543 164
- Website: WWW.vimcc.vn
- Mã cổ phiếu: TVM
- Quá trình hình thành và phát triển:

Để đáp ứng yêu cầu về công tác quy hoạch, thiết kế các mỏ than Việt Nam, ngày 22 tháng 09 năm 1965 Bộ trưởng Bộ công nghiệp nặng ký quyết định số 1139/BCNNg-KB2 thành lập **Viện Nghiên cứu thiết kế mỏ** (gọi tắt là: Viện Mỏ), thuộc Tổng Công ty than Quảng Ninh.

Ngày 06/10/1969 đổi tên thành Viện quy hoạch và thiết kế than, (QĐ số 108-QĐ/TC của Bộ trưởng Bộ Điện và Than).

Ngày 10/09/1972 tách một bộ phận của Viện, thành lập Phân viện nghiên cứu khoa học mỏ; Năm 1978 đổi thành Trung tâm Nghiên cứu khoa học kỹ thuật; Ngày 12/09/1979 thành lập Viện nghiên cứu khoa học kỹ thuật mỏ, nay là Viện khoa học công nghệ mỏ - Vinacomin.

Ngày 06/03/1984 sáp nhập Viện kinh tế mỏ vào thành Viện quy hoạch kinh tế và thiết kế than, (QĐ số 13MT/TCCB của Bộ trưởng bộ Mỏ và Than).

Ngày 19/10/1988 sáp nhập Công ty khảo sát và thăm do than vào thành Công ty khảo sát thiết kế than (QĐ 13MT/TCCB của Bộ trưởng bộ Mỏ và Than).

Ngày 13/12/1991 tổ chức lại thành Công ty Khảo sát và thiết kế mỏ (QĐ 358-NL/TCCB-LĐ của Bộ trưởng Bộ Năng lượng).

Ngày 19/06/1993 tổ chức lại thành Công ty Khảo sát và thiết kế mỏ (QĐ số 358 – NL/TCCB-LĐ của Bộ trưởng Bộ Năng lượng).

Ngày 01/04/1995 Công ty Khảo sát và thiết kế mỏ trực thuộc Tổng Công ty Than Việt Nam (QĐ số 137-NL/TCCB-LĐ ngày 04/03/1995 của Bộ trưởng Bộ Năng lượng).

Ngày 27/05/1996 đổi tên thành Công ty Tư vấn Xây dựng mỏ và công nghiệp trực thuộc Tổng công ty than Việt Nam, (QĐ số 873-TVN/HĐQT của HĐQT Tổng Công ty Than Việt Nam ngày 29/05/1996 và QĐ số 197-/QĐ của Bộ trưởng Bộ công nghiệp ngày 29/01/1997).

Ngày 05/04/2000 sáp nhập Công ty tư vấn đầu tư Điện - Than vào thành Công ty tư vấn đầu tư mỏ và công nghiệp trực thuộc Tổng công ty Than Việt Nam, (QĐ số 23/2000/BCN của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp).

Ngày 28/03/2006 Công ty thực hiện cổ phần hóa và chuyển thành Công ty cổ phần Tư vấn đầu tư mỏ và công nghiệp - TKV (CV số 8389/CV-HĐQT ngày 07/11/2006 của HĐQT Tập đoàn công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam).

Ngày 20/06/2011 đổi tên thành Công ty cổ phần Tư vấn đầu tư mỏ và công nghiệp - Vinacomin (QĐ Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2011).

Quyết định số 05.11/QĐ của HĐQT Công ty ngày 01/06/2011 về việc sử dụng tên từ ngày 20/06/2011 đổi thành Công ty cổ phần Tư vấn đầu tư mỏ và công nghiệp - Vinacomin.

Năm 2012 Công ty tham gia góp vốn vào Công ty cổ phần tư vấn đầu tư mỏ Lương Sơn với tỷ lệ nắm giữ 30% vốn điều lệ tương đương 2.400.000.000 đồng.

Năm 2012 Công ty mua lại 75.000 cổ phần của Công ty TNHH một thành viên than Ưng Bí đang nắm giữ tại Công ty Cổ phần Tư vấn đầu tư than Ưng Bí với giá trị chuyển nhượng là 765.000.000 đồng; và mua lại 1.500 cổ phần của Công ty TNHH một thành viên than Nam Mẫu đang nắm giữ tại Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư than Ưng Bí với giá trị chuyển nhượng là 15.000.000 đồng. Kể từ ngày 01/09/2012 Công ty sở hữu 76.500 cổ phần tương đương với 51% vốn điều lệ của Công ty cổ phần Tư vấn đầu tư than Ưng Bí. Đến ngày 13/07/2015 Công ty cổ phần Tư vấn đầu tư than Ưng Bí tăng vốn điều lệ từ 1.500.000.000 đồng lên 2.700.000.000 đồng bằng cổ phiếu thưởng theo đó giá trị cổ phiếu Công ty tăng lên thành 137.700 cổ phần tương ứng bằng 1.377.000.000 đồng (chiếm 51% vốn điều lệ của Công ty cổ phần Tư vấn đầu tư than Ưng Bí).

- Thời điểm niêm yết: 15/12/2015

2. *Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:*

- Ngành nghề kinh doanh: Ngành nghề kinh doanh chính

+ Tư vấn đầu tư và xây dựng các công trình mỏ, điện lực, công nghiệp, giao thông vận tải, bưu chính viễn thông;

+ Khảo sát, thiết kế xây dựng công trình công nghiệp mỏ, công trình giao thông, công trình hạ tầng;

+ Thiết kế quy hoạch xây dựng, thiết kế kiến trúc công trình xây dựng, công nghiệp;

+ Thiết kế công trình điện năng: Đường dây tải điện, trạm biến thế điện, công trình điện dân dụng và công nghiệp;

+ Thiết kế công trình cấp thoát nước khu công nghiệp, dân dụng, giao thông;

- + Thẩm định các dự án đầu tư (chỉ thẩm định các thiết kế đã được đăng ký kinh doanh), thiết kế kỹ thuật, tổng dự toán các dự án đầu tư;
- + Tư vấn xuất nhập khẩu thiết bị, phụ tùng, nhập khẩu vật tư, thiết bị, phụ tùng phục vụ cho ngành mỏ và các ngành công nghiệp khác;
- + Xây dựng các công trình công nghiệp dân dụng, giao thông, vận tải, điện lực;
- + Nghiên cứu ứng dụng khoa học công nghệ ngành mỏ;
- + Dịch vụ thương mại;
- + Kinh doanh vật tư, thiết bị ngành khai khoáng và các ngành công nghiệp khác (Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật).

- Địa bàn kinh doanh: Khu vực tỉnh Quảng Ninh, tỉnh Lào Cai, tỉnh Hà Tĩnh, tỉnh Hòa Bình và các khu vực khác tại Việt Nam.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

3.1. Mô hình quản trị

Mô hình quản trị của Công ty thực hiện tuân thủ theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

+ Đại hội đồng cổ đông:

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyền lực cao nhất của Công ty, Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nhiệm vụ cụ thể theo quy định tại Điều lệ Công ty, một số nội dung chính sau:

- Thông qua định hướng phát triển công ty;
- Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;
- Xem xét và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông của Công ty;
- Quyết định đầu tư, quyết định giao dịch mua, bán số tài sản của Công ty hoặc chi nhánh có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất của Công ty;
- Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;
- Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- Lựa chọn Công ty kiểm toán;
- Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- Quyết định tổ chức lại, giải thể công ty;
- Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức một năm một lần trong thời hạn 04 tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

+ Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý cao nhất của Công ty cổ phần Tư vấn đầu tư mỏ và công nghiệp - Vinacomin, các thành viên Hội đồng quản trị đã điều hành hoạt động của Công ty trong suốt năm tài chính và đến ngày lập Báo cáo tài chính, thành viên Hội đồng quản trị bao gồm:

- | | |
|-------------------------|-----------------|
| - Ông Nguyễn Trọng Hùng | - Chủ tịch HĐQT |
| - Ông Lê Văn Duẩn | - Ủy viên HĐQT |
| - Ông Lê Việt Phương | - Ủy viên HĐQT |

+ Ban kiểm soát

Ban kiểm soát gồm 03 thành viên. Thành viên ban kiểm soát phải có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm nghề nghiệp về kế toán và kiểm toán. Nhiệm kỳ của Ban kiểm soát là 05 năm và cùng với nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị. Ban kiểm soát bầu 01 người làm trưởng ban, Trưởng ban kiểm soát phải là cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông.

Ban kiểm soát của Công ty trong năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các thành viên sau:

- | | |
|------------------------|-------------------------|
| - Bà Trần Thị Minh Thu | - Trưởng Ban kiểm soát |
| - Ông Nguyễn Công Tân | - Ủy viên Ban kiểm soát |
| - Bà Phạm Thị Việt Nga | - Ủy viên Ban kiểm soát |

+ Ban giám đốc:

Ban giám đốc Công ty hiện nay bao gồm 01 Giám đốc và 03 phó giám đốc. Giám đốc do HĐQT bổ nhiệm hoặc Bãi nhiệm theo điều 32 Điều lệ của Công ty.

Cơ cấu Ban giám đốc đã điều hành, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong suốt năm tài chính và cho đến ngày lập báo cáo này gồm:

- | | |
|-------------------------|----------------|
| - Ông Lê Văn Duẩn | - Giám đốc |
| - Ông Nguyễn Việt Cường | - Phó giám đốc |
| - Ông Lê Việt Phương | - Phó giám đốc |
| - Ông Đào Ngọc Hiệp | - Phó giám đốc |

3.2. Cơ cấu bộ máy quản lý

Tại thời điểm hiện nay cơ cấu bộ máy tổ chức Công ty gồm:

Hội đồng quản trị: 03 người; Ban kiểm soát: 03 người;

Ban lãnh đạo, điều hành Công ty gồm: 01 giám đốc, 03 phó giám đốc, 01 kế toán trưởng.

Tổng số cán bộ công nhân viên bình quân toàn Công ty là: 313 người.

Tại cơ quan Công ty bao gồm: 12 phòng ban với lao động bình quân là 215 cán bộ công nhân viên làm việc tại trụ sở chính số 565 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, Quận thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

Công ty bao gồm 03 chi nhánh:

+ Chi nhánh Công ty cổ phần Tư vấn đầu tư mỏ và công nghiệp - Vinacomin - Xí nghiệp thương mại và chuyển giao công nghệ: gồm 04 phòng ban với 19 cán bộ công nhân viên, trụ sở tại 565 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, Quận thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

+ Chi nhánh Công ty cổ phần Tư vấn đầu tư mỏ và công nghiệp - Vinacomin - Xí nghiệp thiết kế than Hòn Gai: gồm 06 phòng ban với 38 cán bộ công nhân viên, có trụ sở tại số 61, phố Ba Đèo, phường Hòn Gai, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

+ Chi nhánh Công ty cổ phần Tư vấn đầu tư mỏ và công nghiệp - Vinacomin - Xí nghiệp dịch vụ tổng hợp và Xây dựng: gồm 05 phòng ban với 22 cán bộ công nhân viên có trụ sở tại tổ 35B, khu 3, phường Cẩm Thành, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.

3.3 Các công ty con, công ty liên kết

* Công ty con

+ Tên công ty: Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư than Uông Bí

+ Địa chỉ: Khu 3, P. Trung Vương, TP. Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh

+ Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: Tư vấn thiết kế và giám sát thi công các công trình dân dụng, công nghiệp...

+ Vốn điều lệ thực góp: 765.000.000 đồng, Vốn điều lệ tăng thêm do Công ty con tăng vốn điều lệ từ quỹ đầu tư phát triển 612.000.000 đồng.

+ Tỷ lệ sở hữu: 51% vốn Điều lệ

* Công ty liên kết

+ Tên công ty: Công ty cổ phần tư vấn đầu tư mỏ Lương Sơn

+ Địa chỉ: Xã Cao Rãm – Huyện Lương Sơn – tỉnh Hòa Bình

+ Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: Tư vấn thiết kế các công trình mỏ, khai thác đá, vật liệu xây dựng ...

+ Vốn điều lệ thực góp: 2.400.000.000 đồng

+ Tỷ lệ sở hữu: 30% vốn Điều lệ

4. Định hướng phát triển

Từ khi thành lập Viện nghiên cứu thiết kế mỏ mới thực hiện các bản vẽ thi công phục vụ cải tạo, khôi phục các mỏ khu vực Cẩm Phả, Hòn Gai, tiến đến lập thiết kế kỹ thuật các công trình và sau đó Viện, Công ty chủ trì lập tổng sơ đồ phát triển ngành than Việt Nam được Thủ Tướng Chính phủ phê duyệt và tư vấn, thiết kế các giai đoạn phục vụ đầu tư xây dựng các mỏ than trong cả nước, các mỏ ngoài than phục vụ phát triển công nghiệp khai khoáng, vật liệu xây dựng và sản xuất thuốc nổ công nghiệp... Hiện nay Công ty đang thực hiện hầu hết Dự án và thiết kế các mỏ, nhà máy tuyển đồng thời mở rộng kinh doanh sang các lĩnh vực mới như: Xây lắp, thương mại, chuyển giao công nghệ.

Để hội nhập và đáp ứng yêu cầu của thị trường, Công ty đã có chiến lược phát triển trung và dài hạn với một số mục tiêu và chiến lược chủ yếu sau:

4.1. Củng cố và phát triển nguồn nhân lực

- Củng cố, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao. Đánh giá phân loại chất lượng nguồn nhân lực để có kế hoạch đào tạo, sắp xếp lại lao động.

- Tuyển dụng bổ sung nguồn nhân lực cho các ngành nghề còn thiếu, còn yếu, bù đắp số lao động nghỉ chế độ và chuyển công tác theo hình thức thi tuyển và xét tuyển, trong đó ưu tiên hình thức thi tuyển.

- Tiếp tục đào tạo, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ: Tổ chức các lớp dạy nghiệp vụ chủ nhiệm dự án trong đó chú trọng đến kỹ năng thuyết trình. Cử hoặc tự tổ chức cho cán bộ tham gia các lớp nâng cao kiến thức về đầu tư, xây dựng, đấu thầu và ngoại ngữ.

- Tiếp tục cử cán bộ luân phiên xuống theo dõi, học tập tại các chủ đầu tư hoặc Ban giám sát tác giả đối với các công trình thi công, lắp đặt.

- Tái cơ cấu, bố trí sắp xếp lại cán bộ, nhân viên trong cơ quan theo hướng tinh giản, gọn nhẹ để từ đó nâng cao năng suất lao động và hiệu quả kinh doanh.

- Thực hiện tái cơ cấu mô hình tổ chức, thu gọn đầu mối theo chỉ đạo của Tập đoàn giai đoạn 2017-2020.

4.2. Công tác tìm kiếm việc làm

- Tăng cường tìm kiếm việc làm, tổ chức nghiệm thu ngay đối với các công trình đã hoàn thành để thu hồi vốn một cách nhanh nhất.

- Động viên khuyến khích cán bộ, nhân viên tự tìm kiếm việc làm và có cơ chế khoán gọn cho những cán bộ, nhân viên tự tìm kiếm được việc làm.

- Tăng cường quan hệ với Bộ Khoa học công nghệ, các cục, vụ của Bộ Công thương để tìm kiếm các công việc ngoài Tập đoàn.

- Tiếp tục đề xuất các đề tài nghiên cứu chuyên sâu đăng ký với Tập đoàn, Bộ Công thương, Bộ khoa học công nghệ, trên cơ sở công việc tư vấn thiết kế hàng ngày để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ và tăng thu nhập cho người lao động từ các quỹ khoa học công nghệ của Tập đoàn và vốn Ngân sách nhà nước.

- Tiếp tục nghiên cứu, xây dựng phương án đề xuất với Tập đoàn để Công ty trực tiếp tham gia cùng đối tác thực hiện lập thiết kế, thi công chống lò bằng vì neo tại các đơn vị trong ngành.

- Nghiên cứu đề xuất với Tập đoàn về việc hiện đại hóa và tự động hóa trong các khâu sản xuất của Tập đoàn than, nhằm giảm sức lao động, nâng cao năng suất lao động và hiệu quả kinh doanh.

- Từng bước định hướng phát triển tìm kiếm việc làm tại các đơn vị ngoài Tập đoàn Than để ổn định và phát triển Công ty một cách bền vững.

4.3. Công tác quản lý điều hành

- Rà soát và hoàn thiện cơ chế quản lý khoa học, linh hoạt cho từng lĩnh vực hoạt động nhằm phát huy cao độ năng lực của các cá nhân và tập thể nhằm nâng cao năng suất lao động và hiệu quả kinh doanh.

- Tiếp tục nghiên cứu, bổ sung, điều chỉnh Quy định giao khoán, phân phối tiền lương và thu nhập để hoàn thiện và phù hợp hơn với thực tế thực hiện nhằm động viên khuyến khích người lao động có trình độ chuyên môn cao, nhiệt tình trong công việc để giữ chân người lao động.

- Tiếp tục đầu tư, áp dụng công nghệ tin học trong công tác tư vấn thiết kế, đầu tư các phần mềm chuyên ngành, tự xây dựng các phần mềm quản trị để nâng cao năng suất lao động và chất lượng sản phẩm và phù hợp với quy định của pháp luật.

- Nghiên cứu, xây dựng các quy chế, quy định, nhằm quản trị chi phí, quản lý các rủi ro một cách tốt nhất.

4.4. Bổ sung một số ngành nghề kinh doanh phù hợp.

4.5. Xây dựng chiến lược phát triển công ty giai đoạn 2020 đến 2025 và tầm nhìn đến năm 2030.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh (hợp nhất)

ĐVT: Tr.đồng

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch 2019	Thực hiện năm trước	Thực hiện năm 2019	% thực hiện so với năm trước	% thực hiện so với Kế hoạch
I	Tổng doanh thu	178.080	202.014	196.897	97,5	110,6
-	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	178.038	201.932	195.953	97	110,1
-	Doanh thu hoạt động tài chính	42	68	461	677,9	1.097,6
-	Thu nhập khác		14	483	3.450	

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch 2019	Thực hiện năm trước	Thực hiện năm 2019	% thực hiện so với năm trước	% thực hiện so với Kế hoạch
II	Tổng chi phí	174.234	193.691	189.624	97,9	108,8
III	Lợi nhuận					
1	Lợi nhuận trước thuế	1.396	1.423	2.341	164,5	167,7
2	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		1.346	1.653	122,8	
-	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		159	162	101,9	
-	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ		1.187	1.491	125,6	
IV	Các chỉ tiêu khác					
1	Tổng số phát sinh phải nộp ngân sách		15.795	14.375	91	
2	Lợi nhuận trước thuế/Vốn chủ sở hữu (%)		4,86	7,78	160	
3	Tổng nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu		6,56	6,32	96,3	
4	Tổng quỹ lương	38.321	36.475	34.219,89	93,8	89,3
5	Số người lao động bình quân (người)	352	344	313	91	88,9
6	Tiền lương bình quân(trđ/ng/tháng)	9,072	8,83	9,11	103,1	100,4

2. Tổ chức và nhân sự

- Danh sách Ban điều hành:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu cổ phần (%)	Ghi chú
1	Nguyễn Trọng Hùng	Chủ tịch HĐQT	12.240	51	Người đại diện phân vốn của Tập đoàn Công nghiệp than Khoáng sản Việt Nam
2	Lê Văn Duẩn	Giám đốc	9.060	0,37	
3	Nguyễn Việt Cường	Phó giám đốc	2.811	0,12	
4	Lê Việt phương	Phó giám đốc	1.938	0,08	
5	Đào Ngọc Hiệp	Phó giám đốc	0	0	
6	Trần Thị Minh Thu	Trưởng ban kiểm soát	570	0,02	

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu cổ phần (%)	Ghi chú
7	Phạm Thị Việt Nga	Ủy viên Ban kiểm soát	8.943	0,37	
8	Nguyễn Công Tân	Ủy viên ban kiểm soát	12.891	0,53	
9	Phùng Đức Trường	Kế toán trưởng	0	0	

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

+ Dự án đầu tư phần mềm văn phòng điện tử: 240 triệu đồng.

+ Dự án đầu tư máy photo A0: 188 triệu đồng

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm trước	Năm nay	% tăng, giảm so với năm trước
1. Tổng giá trị tài sản	237.425	238.686	100,5
2. Doanh thu thuần	201.932	195.953	97
3. Lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh	1.999	6.730	336,7
4. Lợi nhuận khác	-576	-4.388	761,8
5. Lợi nhuận trước thuế	1.423	2.341	164,5
6. Lợi nhuận sau thuế	1.346	1.653	122,8
7. Tỷ suất lợi nhuận trả cổ tức/ vốn điều lệ (%)	0	3	

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	Năm trước	Năm nay	% tăng, giảm so với năm trước
<i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn	1,18	1,19	100,8
+ Hệ số thanh toán nhanh	0,91	0,95	104,4
<i>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
+ Hệ số nợ/Tổng tài sản	0,81	0,8	98,8
+ Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	6,56	6,32	96,3
<i>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>			
+ Vòng quay hàng tồn kho	3,42	3,62	105,8
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,85	0,82	96,5
<i>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,0067	0,0084	125,4
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,046	0,055	119,6
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,006	0,007	116,7

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần:

STT	Diễn giải	Số lượng cổ phần	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)
1.	Cổ phiếu ưu đãi	0	0	0
2.	Cổ phiếu phổ thông	2.400.000	24.000.000.000	100
3.	Cổ phiếu quỹ	0	0	0
	Tổng cộng	2.400.000	24.000.000.000	100

b) Cơ cấu cổ đông: Nêu cơ cấu cổ đông phân theo các tiêu chí tỷ lệ sở hữu (cổ đông lớn, cổ đông nhỏ); cổ đông tổ chức và cổ đông cá nhân; cổ đông trong nước và cổ đông nước ngoài, cổ đông nhà nước và các cổ đông khác

STT	Nội dung	Số lượng cổ phần	Giá trị	Tỷ lệ (%)
*	Cơ cấu cổ đông	2.400.000	24.000.000.000	100
1	Cổ đông tổ chức	1.224.000	12.240.000.000	51
2	Cổ đông cá nhân	1.176.000	11.760.000.000	49
*	Phân theo lãnh thổ			
1	Cổ đông trong nước	2.392.000	23.920.000.000	99,67
2	Cổ đông nước ngoài	8.000	80.000.000	0,33

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không thay đổi

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không phát sinh

e) Các chứng khoán khác: Không phát sinh

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

Công ty là đơn vị hoạt động chính trong lĩnh vực tư vấn thiết kế, nghiên cứu khoa học và thương mại do vậy việc sử dụng các nguồn nguyên vật liệu, tiêu thụ năng lượng, sử dụng nguồn nước là quá nhỏ so với nền kinh tế nên coi như không ảnh hưởng đến môi trường.

Công ty tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

+ Kết quả sản xuất kinh doanh toàn Công ty

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2018	Kế hoạch năm 2019	Thực hiện năm 2019	Tỷ lệ % so với	
						Cùng kỳ	Kế hoạch
1	Tổng doanh thu	Tr.đ	202.014	178.080	196.897	97,5	110,6
2	Nộp ngân sách	Tr.đ	16.628,11		15.139,75	91	
3	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	1.423	1.396	2.341	164,5	167,7
4	Lao động bình quân	Người	344	352	313	91	88,9
5	Thu nhập bình quân/người/tháng	Tr.đ	8,83	9,072	9,11	103,1	100,4

+ Kết quả sản xuất kinh doanh tại Công ty mẹ

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2018	Kế hoạch năm 2019	Thực hiện năm 2019	Tỷ lệ % so với	
						Cùng kỳ	Kế hoạch
1	Tổng doanh thu	Tr.đ	192.860	169.080	184.005	95,4	108,8
2	Nộp ngân sách	Tr.đ	15.451		14.307	92,6	
3	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	1.156	1.009	2.035	176	201,7
4	Cổ tức	%	0	≥ 4	3		75
5	Lao động bình quân	Người	323	329	292	90,4	88,8
6	Thu nhập bình quân/người/tháng	Tr.đ	8,75	8,951	8,752	100	97,7

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Thuận lợi:

- Công ty tiếp tục nhận được sự ủng hộ, giúp đỡ và tạo điều kiện của các cấp Lãnh đạo và ban chuyên môn Tập đoàn;

- Công ty cũng đã nhận được sự chia sẻ, phối hợp của các đơn vị trong Tập đoàn TKV và các đơn vị trực thuộc Tổng công ty Đông Bắc và các đơn vị bạn hàng;

- Công ty thực hiện công việc chủ yếu tại các đơn vị trong Tập đoàn than, do vậy năm 2019 Tập đoàn và các đơn vị thành viên trong Tập đoàn gặp nhiều thuận lợi trong sản xuất kinh doanh nên các khoản công nợ hầu hết thu hồi nhanh và dứt điểm.

- Tập thể lãnh đạo và cán bộ nhân viên Công ty đoàn kết, chia sẻ trước những khó khăn của Công ty, quyết tâm hơn trong việc thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh.

2. Khó khăn

- Việc cấp phép và thi công thăm dò các mỏ mới, phần tài nguyên xuống sâu chậm dẫn đến không tạo ra các dự án đầu tư phát triển các mỏ mới.

- Việc triển khai công tác chuẩn bị đầu tư các dự án cần triển khai trong giai đoạn tới theo Quyết định 403 của Thủ tướng Chính phủ bị chậm cũng dẫn đến thiếu việc làm cho Công ty;

- Công tác tư vấn thiết kế một số công trình được triển khai trong điều kiện tài liệu địa chất còn thiếu hoặc độ tin cậy thấp, cần phải tiến hành khoan thăm dò địa chất bổ sung nên sản phẩm tư vấn phải chỉnh sửa và kéo dài thời gian thực hiện;

- Nhiệm vụ khoan thăm dò phục vụ khai thác được phê duyệt muộn nên việc triển khai thực hiện cũng bị chậm trễ ảnh hưởng đến doanh thu và dòng tiền về của Công ty;

- Mặc dù năm 2019, Công ty đã chủ động hơn về dòng tiền trong thanh toán, giảm đáng kể việc vay vốn ngân hàng so với năm 2018, chi phí lãi vay cũng giảm, tuy nhiên do doanh thu năm 2019 giảm hơn so với năm 2018 đặc biệt là doanh thu trong lĩnh vực tư vấn, đây là lĩnh vực mang lại hiệu quả chính cho Công ty cũng giảm so với năm trước dẫn đến hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty tăng không đáng kể so với năm 2018.

V. Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị đã thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty cổ phần Tư vấn đầu tư mỏ và công nghiệp - Vinacomin. Chỉ đạo thực hiện nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên, giám sát

Ban Giám đốc và những cán bộ quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh của Công ty có hiệu quả, cụ thể là:

+ Công tác tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện: Trong năm HĐQT đã tổ chức 13 cuộc họp và ban hành 7 Nghị quyết phục vụ công tác quản trị công ty. Phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên HĐQT theo lĩnh vực phụ trách.

Các văn bản của HĐQT được ban hành kịp thời dựa trên nguyên tắc tập trung dân chủ, đúng pháp luật, quyết định đúng đắn chiến lược hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

HĐQT thường xuyên giám sát, kiểm tra Ban giám đốc điều hành về thực hiện các văn bản của HĐQT, do vậy mọi Nghị quyết của HĐQT đều được triển khai thực hiện nghiêm túc và đạt hiệu quả.

HĐQT thường xuyên đánh giá tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, việc thực hiện Điều lệ Công ty.

+ Công tác quản lý, chỉ đạo hoạt động sản xuất kinh doanh:

HĐQT đã chỉ đạo Ban giám đốc điều hành công ty thực hiện theo Kế hoạch và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông. Hằng tháng, hằng quý đều xem xét đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đưa ra những quyết định chỉ đạo kịp thời, phù hợp.

Ngoài ra trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh, mọi vấn đề phát sinh đều được HĐQT chỉ đạo xử lý kịp thời.

2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát: (danh sách thành viên Ban kiểm soát, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành.

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần năm giữ	Tỷ lệ (%)
1	Trần Thị Minh Thu	Trưởng ban kiểm soát	570	0,024
2	Nguyễn Công Tân	Ủy viên ban kiểm soát	12.891	0,537
3	Phạm Thị Việt Nga	Ủy viên ban kiểm soát	8.943	0,373

b) Hoạt động của Ban kiểm soát:

Hoạt động của Ban kiểm soát đã tuân thủ theo đúng chức năng, nhiệm vụ được quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. Ban kiểm soát đã thực hiện việc giám sát, kiểm tra kiểm soát trong Công ty đúng kế hoạch, quy định của Tập đoàn Công nghiệp than Khoáng sản Việt Nam. Trong năm 2019, Ban kiểm soát đã xây dựng kế hoạch kiểm tra, giám sát hoạt động của Công ty như sau:

+ Giám sát việc chấp hành các quy định của pháp luật, Điều lệ của Công ty, tình hình thực hiện nghị quyết, quyết định, chỉ thị của Hội đồng quản trị và Giám đốc.

+ Giám sát tình hình thực hiện kế hoạch kinh doanh.

+ Giám sát việc thực hiện công tác tài chính, kế toán.

+ Thẩm định báo cáo tài chính năm 2019 và các quý năm 2019

+ Kiểm tra trực tiếp các hoạt động SXKD tại các chi nhánh của Công ty.

+ Giám sát hoạt động SXKD của các công ty có vốn đầu tư của VIMCC thông qua các báo cáo của người đại diện.

+ Báo cáo kết quả giám sát và kiểm tra của Ban kiểm soát, kiến nghị HĐQT và Giám đốc thực hiện các nội dung chưa tuân thủ quy định của VIMCC và kỷ luật điều hành của TKV để nhằm tăng cường công tác quản trị VIMCC.

Kết quả thực hiện giám sát như sau:

+ Thực hiện kiểm tra hoạt động của các chi nhánh trong VIMCC và khối phòng ban chức năng Công ty mẹ về công tác quản lý doanh thu, chi phí, công nợ, tài sản, các hợp đồng đã ký kết..., đồng thời kiến nghị đơn vị điều chỉnh sai sót kịp thời.

+ Định kỳ sau mỗi cuộc kiểm soát, Ban kiểm soát đều lập biên bản giám sát, kiến nghị HĐQT và Ban điều hành thực hiện các nội dung liên quan hoạt động SXKD của VIMCC theo thẩm quyền và báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ giám sát cho TKV.

+ Thực hiện thẩm định cáo cáo tài chính quý và năm 2019.

+ Trong năm 2019, Ban kiểm soát đã kiến nghị nhiều nội dung về quản lý tài chính, công tác kế toán, ký kết hợp đồng nhằm đảm bảo quyền lợi của các cổ đông và tăng cường quản trị nội bộ Công ty.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát.

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

STT	Nội dung	Kế hoạch (theo NQ)	Thực hiện
1	Tiền lương Ban giám đốc (Bao gồm Giám đốc, các phó giám đốc và kế toán trưởng)	1.392	1.252,8
2	Tiền lương Trưởng ban kiểm soát	276	248,4
3	Thù lao BKS, HĐQT, thư ký	326,4	293,76
	Tổng cộng	1.994,4	1.794,96

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không phát sinh.

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không phát sinh

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: Công ty thực hiện đúng các Quy chế quy định trong nội bộ công ty cũng như các Quy định của Tập đoàn than và pháp luật của nhà nước.

VI. Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được kiểm toán (theo phụ lục đính kèm)

XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN
THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY



Lê Văn Duẩn